

Bản án số: 56/2025/KDTM-PT
Ngày: 25/3/2025
Về việc tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Bích Thảo

Bà Mai Thị Thanh Tú

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Kim Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Bà Trần Thị Thơm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 3 năm 2025 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành
phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số
259/2024/TLPT-KDTM ngày 10 tháng 12 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp
đồng mua bán hàng hóa”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 146/2024/KDTM-ST ngày 13 tháng 9 năm
2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng
cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1238/2025/QĐXX-PT
ngày 13 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH TM-DV-XNK H

Địa chỉ: 392 N, phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đặng Thị Thanh T; Địa chỉ: 392 N,
phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ S

Địa chỉ: 199 M, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Duy T; Địa chỉ: A202 Chung cư T,
số 1 Đường 63, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người kháng cáo: Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ S

(Bà T có mặt, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

Nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH TM-DV-XNK H (sau đây gọi tắt là Công ty H) và Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ S (sau đây gọi tắt là Công ty S) đã thực hiện mua bán hàng hóa theo 4 hợp đồng, gồm: Hợp đồng kinh tế số 030/HĐKT/HH-HS ngày 18/3/2022; Hợp đồng kinh tế số 029/HĐKT/HH-HS ngày 18/5/2022; Hợp đồng kinh tế số 025-2023/HĐKT/HH-HS ngày 31/12/2022; Hợp đồng kinh tế số 026-2023/HĐKT/HH-HS ngày 31/12/2022. Theo đó, Công ty H là bên bán đã bán hàng và vận chuyển hàng hóa là tro bay và xỉ nghiền S95 của các nhà máy nhiệt điện để làm bê tông cho bên mua là Công ty S. Trong các hợp đồng, các bên cũng thỏa thuận giá mua bán, thời hạn thanh toán, địa điểm và phương thức giao nhận hàng cũng như các quyền và nghĩa vụ của hai bên trong từng hợp đồng.

Các Hợp đồng bắt đầu được thực hiện từ ngày ký và có hiệu lực đến khi hợp đồng được thanh lý hoặc hai bên hoàn thành tất cả nghĩa vụ trong hợp đồng. Ngoài ra, tại Điều 4 của các hợp đồng, hai bên thỏa thuận trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng, vào ngày 30 dương lịch của mỗi tháng hai bên sẽ tiến hành đối chiếu số lượng hàng đã giao và xác nhận khối lượng thực tế của tháng đó, trên cơ sở đó, Công ty H sẽ xuất hóa đơn VAT cho Công ty S để thanh toán. Công ty S phải thanh toán cho Công ty H 100% giá trị lô hàng (theo giá trị đã đối chiếu và hóa đơn VAT) cho Công ty H sau 15 ngày nhận được hóa đơn VAT. Theo đó, Công ty H đã thực hiện đúng hạn và đầy đủ các nghĩa vụ bán hàng và vận chuyển hàng hóa đến địa điểm giao hàng đã thỏa thuận cho Công ty S và cũng đã lần lượt xuất các hóa đơn VAT.

Vào ngày 05/10/2023, giữa Công ty H và Công ty S đã tiến hành đối chiếu và xác nhận công nợ. Theo đó, hai bên xác nhận, tổng số tiền công nợ mua bán hàng hóa giữa 02 Công ty tính đến ngày 30/9/2023 là 437.087.360 đồng. Sau khi đối chiếu Công ty S đã thanh toán số tiền là 284.819.009 đồng, số tiền còn nợ là 122.268.351 đồng. Do Công ty S không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền còn lại, nên Công ty H khởi kiện yêu cầu Công ty S thanh toán một lần toàn bộ số tiền 173.904.775 đồng, bao gồm nợ gốc là 122.268.351 đồng, lãi tạm tính đến ngày 08/3/2024 là 51.636.424 đồng.

Sau khi khởi kiện, ngày 11/4/2024, Công ty S đã thanh toán đủ khoản nợ gốc còn lại là 122.268.351 đồng nên Công ty H rút yêu cầu khởi kiện đối với số nợ gốc. Công ty H thay đổi yêu cầu tính lãi là yêu cầu tính lãi của các hóa đơn năm 2022 căn cứ vào Hợp đồng kinh tế số 030/HĐKT/HH-HS ngày 18/3/2022; Hợp đồng kinh tế số 029/HĐKT/HH-HS ngày 18/5/2022, yêu cầu lãi của các hóa đơn năm 2023 căn cứ theo Điều 55 Luật thương mại năm 2005 với mức lãi suất là 9%/năm của số tiền chậm thanh toán. Yêu cầu tính lãi của các hóa đơn của năm 2022 theo Điều IV Hợp đồng bắt đầu ngày thứ 16 (sau ngày đến hạn ngày thứ 15) kể từ ngày đối chiếu công nợ. Tổng tiền lãi của các Hóa đơn năm 2022 là 24.378.530 đồng. Lãi của hóa đơn của năm 2023 yêu cầu tính từ ngày tiếp theo của ngày phát hành hóa đơn theo quy định tại Điều 55 Luật Thương mại năm

2005. Tổng tiền lãi của các hóa đơn năm 2023 là 26.376.018 đồng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm là tổng tiền lãi của năm 2022 và 2023 là 50.754.548 đồng. Chi tiết như sau:

Các hóa đơn của năm 2022:

- Hóa đơn ký hiệu 1C22THH số 00000272 ngày 27/07/2022 giá trị 61.718.274 đồng. Hóa đơn ký hiệu 1C22THH số 00000273 ngày 27/07/2022 giá trị 27.858.600 đồng. Hóa đơn ký hiệu 1C22THH số 00000278 ngày 29/07/2022 giá trị 183.499.344 đồng.

Các hóa đơn trên được đối chiếu công nợ tháng 7/2022 theo Biên bản đối chiếu công nợ ký ngày 04/8/2022. Tổng giá trị hóa đơn trong kỳ là 273.076.218 đồng, trừ đi tạm ứng đầu kỳ số tiền 27.405.000 đồng, đối chiếu công nợ trong kỳ là 245.671.218 đồng, đến hạn ngày 19/8/2022, đã được thanh toán hết ngày 18/8/2022.

- Hóa đơn ký hiệu 1C22THH số 00000341 ngày 15/08/2022 giá trị 292.174.182 đồng. Hóa đơn ký hiệu 1C22THH số 00000343 ngày 19/08/2022 giá trị 204.590.556 đồng. Hóa đơn ký hiệu 1C22THH số 00000347 ngày 22/08/2022 giá trị 117.760.878 đồng. Hóa đơn ký hiệu 1C22THH số 00000354 ngày 29/08/2022 giá trị 179.091.648 đồng.

Các hóa đơn trên được đối chiếu công nợ tháng 8/2022 theo Biên bản đối chiếu công nợ ký ngày 05/9/2022. Tổng giá trị hóa đơn trong kỳ là 793.617.264 đồng, số tiền đã thanh toán cho đến ngày đến hạn của kỳ đối chiếu công nợ là 292.174.182 đồng. Số tiền còn nợ dùng để tính lãi là 501.443.082 đồng, đến hạn ngày 20/9/2022, bắt đầu tính lãi ngày 21/9/2022, tính lãi đến ngày 19/10/2022, số ngày tính lãi là 29 ngày, tương đương 0,97 tháng, lãi suất 9%/năm. Tiền lãi là 3.635.462 đồng.

- Hóa đơn ký hiệu 1C22THH số 00000415 ngày 08/09/2022 giá trị 149.455.692 đồng. Hóa đơn ký hiệu 1C22THH số 00000422 ngày 15/09/2022 giá trị 203.063.328 đồng. Hóa đơn ký hiệu 1C22THH số 00000425 ngày 22/09/2022 giá trị 149.542.686 đồng. Hóa đơn ký hiệu 1C22THH số 00000435 ngày 28/09/2022 giá trị 200.637.162 đồng.

Các hóa đơn trên được đối chiếu công nợ tháng 9/2022 theo Biên bản đối chiếu công nợ ký ngày 05/10/2022. Tổng giá trị hóa đơn trong kỳ là 702.698.868 đồng, cộng với công nợ chưa thanh toán của kỳ trước 501.443.082 đồng, tổng số tiền nợ là 1.204.141.950 đồng. Số tiền đã thanh toán cho đến ngày đến hạn của kỳ đối chiếu công nợ là 795.473.136 đồng. Số tiền còn nợ dùng để tính lãi là 408.668.814 đồng, đến hạn ngày 20/10/2022, bắt đầu tính lãi ngày 21/10/2022, tính lãi đến ngày 19/11/2022, số ngày tính lãi là 30 ngày, tương đương 01 tháng, lãi suất 9%/năm. Tiền lãi là 3.065.016 đồng.

- Hóa đơn ký hiệu 1C22THH số 00000487 ngày 07/10/2022 giá trị 144.574.362 đồng. Hóa đơn ký hiệu 1C22THH số 00000488 ngày 10/10/2022 giá trị 118.920.798 đồng. Hóa đơn ký hiệu 1C22THH số 00000497 ngày 24/10/2022 giá trị 206.688.078 đồng. Hóa đơn ký hiệu 1C22THH số 00000549

ngày 31/10/2022 giá trị 175.002.930 đồng.

Các hóa đơn trên được đối chiếu công nợ tháng 10/2022 theo Biên bản đối chiếu công nợ ký ngày 05/11/2022. Tổng giá trị hóa đơn trong kỳ là 645.186.168 đồng, cộng với công nợ chưa thanh toán của kỳ trước 408.668.814 đồng, tổng số tiền nợ là 1.053.854.982 đồng. Số tiền đã thanh toán cho đến ngày đến hạn của kỳ đối chiếu công nợ là 500.611.806 đồng. Số tiền còn nợ dùng để tính lãi là 553.243.176 đồng, đến hạn ngày 20/11/2022, bắt đầu tính lãi ngày 21/11/2022, tính lãi đến ngày 19/12/2022, số ngày tính lãi là 29 ngày, tương đương 0,97 tháng, lãi suất 9%/năm. Tiền lãi là 4.011.013 đồng.

- Hóa đơn ký hiệu 1C22THH số 00000574 ngày 15/11/2022 giá trị 211.057.110 đồng. Hóa đơn ký hiệu 1C22THH số 00000580 ngày 25/11/2022 giá trị 89.149.518 đồng.

Các hóa đơn trên được đối chiếu công nợ tháng 11/2022 theo Biên bản đối chiếu công nợ ký ngày 05/12/2022. Tổng giá trị hóa đơn trong kỳ là 300.206.628 đồng, cộng với công nợ chưa thanh toán của kỳ trước 553.243.176 đồng, tổng số tiền nợ là 853.449.804 đồng. Số tiền đã thanh toán cho đến ngày đến hạn của kỳ đối chiếu công nợ là 551.856.770 đồng. Số tiền còn nợ dùng để tính lãi là 301.593.034 đồng, đến hạn ngày 20/12/2022, bắt đầu tính lãi ngày 21/12/2022, tính lãi đến ngày 19/01/2023, số ngày tính lãi là 30 ngày, tương đương 01 tháng, lãi suất 9%/năm. Tiền lãi là 2.261.948 đồng.

- Hóa đơn ký hiệu 1C22THH số 00000655 ngày 02/12/2022 giá trị 22.648.500 đồng. Hóa đơn ký hiệu 1C22THH số 00000656 ngày 02/12/2022 giá trị 125.938.314 đồng. Hóa đơn ký hiệu 1C22THH số 00000676 ngày 21/12/2022 giá trị 28.493.500 đồng. Hóa đơn ký hiệu 1C22THH số 00000724 ngày 31/12/2022 giá trị 62.408.500 đồng.

Các hóa đơn trên được đối chiếu công nợ tháng 12/2022 theo Biên bản đối chiếu công nợ ký ngày 05/01/2023. Tổng giá trị hóa đơn trong kỳ là 239.488.814 đồng, cộng với công nợ chưa thanh toán của kỳ trước 301.593.034 đồng, tổng số tiền nợ là 541.081.848 đồng. Số tiền đã thanh toán cho đến ngày đến hạn của kỳ đối chiếu công nợ là 28.493.500 đồng. Số tiền còn nợ dùng để tính lãi là 512.588.348 đồng, đến hạn ngày 20/01/2023, bắt đầu tính lãi ngày 21/01/2023, tính lãi đến ngày 18/4/2023, số ngày tính lãi là 89 ngày, tương đương 2,97 tháng, lãi suất 9%/năm. Tiền lãi là 11.405.091 đồng.

Tổng tiền lãi của các Hóa đơn năm 2022 là 24.378.530 đồng.

Các hóa đơn năm 2023:

- Hóa đơn ký hiệu 1C23THH số 00000006 ngày 09/01/2023 giá trị 46.993.830 đồng, đến hạn ngày 09/01/2023, bắt đầu tính lãi ngày 10/01/2023 đến ngày 18/4/2023, số ngày tính lãi là 99 ngày, tương đương 3,3 tháng, tiền lãi là 1.163.097 đồng. Hóa đơn ký hiệu 1C23THH số 00000018 ngày 18/01/2023 giá trị 30.113.555 đồng, đến hạn ngày 18/01/2023, bắt đầu tính lãi ngày 19/01/2023 đến ngày 22/5/2023, số ngày tính lãi là 124 ngày, tương đương 4,13 tháng, tiền lãi là 933.520 đồng. Hóa đơn ký hiệu 1C23THH số 00000071 ngày 03/02/2023 giá trị

10.973.070 đồng, đến hạn ngày 03/02/2023, bắt đầu tính lãi ngày 04/02/2023 đến ngày 25/5/2023, số ngày tính lãi là 111 ngày, tương đương 3,7 tháng, tiền lãi là 304.503 đồng. Hóa đơn ký hiệu 1C23THH số 00000081 ngày 16/02/2023 giá trị 27.407.720 đồng, đến hạn ngày 17/02/2023, bắt đầu tính lãi ngày 16/02/2023 đến ngày 25/5/2023, số ngày tính lãi là 98 ngày, tương đương 3,27 tháng, tiền lãi là 671.489 đồng. Hóa đơn ký hiệu 1C23THH số 00000094 ngày 28/02/2023 giá trị 11.297.485 đồng, đến hạn ngày 28/02/2023, bắt đầu tính lãi ngày 01/3/2023 đến ngày 25/5/2023, số ngày tính lãi là 86 ngày, tương đương 2,87 tháng, tiền lãi là 242.896 đồng. Hóa đơn ký hiệu 1C23THH số 00000161 ngày 22/3/2023 giá trị 65.998.845 đồng, đến hạn ngày 22/3/2023, bắt đầu tính lãi ngày 23/3/2023 đến ngày 25/5/2023, số ngày tính lãi là 64 ngày, tương đương 2,13 tháng, tiền lãi là 1.055.982 đồng. Hóa đơn ký hiệu 1C23THH số 00000210 ngày 31/3/2023 giá trị 53.104.240 đồng, đến hạn ngày 31/3/2023, bắt đầu tính lãi ngày 01/4/2023 đến ngày 26/6/2023, số ngày tính lãi là 87 ngày, tương đương 2,9 tháng, tiền lãi là 1.155.017 đồng. Hóa đơn ký hiệu 1C23THH số 00000242 ngày 18/4/2023 giá trị 53.610.470 đồng, đến hạn ngày 18/4/2023, bắt đầu tính lãi ngày 19/4/2023 đến ngày 26/6/2023, số ngày tính lãi là 69 ngày, tương đương 2,3 tháng, tiền lãi là 924.781 đồng. Hóa đơn ký hiệu 1C23THH số 00000291 ngày 29/4/2023 giá trị 26.705.415 đồng, đến hạn ngày 29/4/2023, bắt đầu tính lãi ngày 30/4/2023 đến ngày 31/7/2023, số ngày tính lãi là 93 ngày, tương đương 3,1 tháng, tiền lãi là 620.901 đồng. Hóa đơn ký hiệu 1C23THH số 00000331 ngày 19/5/2023 giá trị 58.826.065 đồng, đến hạn ngày 19/5/2023, bắt đầu tính lãi từ ngày 20/5/2023 đến ngày thanh toán hết là ngày 20/9/2023, tổng tiền lãi là 1.271.602 đồng, chi tiết tính lãi gồm: Số tiền 58.826.065 đồng tính lãi từ ngày 20/5/2023 đến ngày 31/7/2023, số ngày tính lãi là 73 ngày, tương đương 2,43 tháng, tiền lãi là 1.073.576 đồng. Sau khi thanh toán 43.294.585 đồng vào ngày 31/7/2023, thì tiền gốc còn nợ của Hóa đơn là 15.531.480 đồng. Số tiền 15.531.480 đồng tính lãi từ ngày 01/8/2023 đến ngày 20/9/2023, số ngày tính lãi là 51 ngày, tương đương 1,7 tháng, tiền lãi là 198.026 đồng.

Hóa đơn ký hiệu 1C23THH số 00000373 ngày 31/5/2023 giá trị 64.105.830 đồng, đến hạn ngày 31/5/2023, bắt đầu tính lãi từ ngày 01/6/2023 đến ngày thanh toán hết là ngày 26/9/2023, tổng tiền lãi là 1.839.963 đồng, chi tiết tính lãi gồm: Số tiền 64.105.830 đồng tính lãi từ ngày 01/6/2023 đến ngày 20/9/2023, số ngày tính lãi là 112 ngày, tương đương 3,73 tháng, tiền lãi là 1.794.963 đồng. Sau khi thanh toán 34.105.830 đồng vào ngày 20/9/2023, thì tiền gốc còn nợ của Hóa đơn là 30.000.000 đồng. Số tiền 30.000.000 đồng tính lãi từ ngày 21/9/2023 đến ngày 26/9/2023, số ngày tính lãi là 06 ngày, tương đương 0,2 tháng, tiền lãi là 45.000 đồng.

Hóa đơn ký hiệu 1C23THH số 00000422 ngày 19/6/2023 giá trị 73.285.705 đồng, đến hạn ngày 19/6/2023, bắt đầu tính lãi từ ngày 20/6/2023 đến ngày thanh toán hết là ngày 13/11/2023, tổng tiền lãi là 2.283.321 đồng, chi tiết tính lãi gồm: Số tiền 73.285.705 đồng tính lãi từ ngày 20/6/2023 đến ngày 26/9/2023, số ngày tính lãi là 99 ngày, tương đương 3,3 tháng, tiền lãi là 1.813.821 đồng. Sau khi thanh toán 22.285.705 đồng vào ngày 26/9/2023, thì tiền gốc còn nợ của Hóa đơn

là 51.000.000 đồng. Số tiền 51.000.000 đồng tính lãi từ ngày 27/9/2023 đến ngày 25/10/2023, số ngày tính lãi là 29 ngày, tương đương 0,97 tháng, tiền lãi là 369.750 đồng. Sau khi thanh toán 30.000.000 đồng vào ngày 25/10/2023, thì tiền gốc còn nợ của Hóa đơn là 21.000.000 đồng. Số tiền 21.000.000 đồng tính lãi từ ngày 26/10/2023 đến ngày 13/11/2023, số ngày tính lãi là 19 ngày, tương đương 0,63 tháng, tiền lãi là 99.750 đồng.

Hóa đơn ký hiệu 1C23THH số 00000441 ngày 30/6/2023 giá trị 51.389.475 đồng, đến hạn ngày 30/6/2023, bắt đầu tính lãi ngày 01/7/2023 đến ngày 17/11/2023, số ngày tính lãi là 140 ngày, tương đương 4,67 tháng, tiền lãi là 1.798.632 đồng.

Hóa đơn ký hiệu 1C23THH số 00000514 ngày 18/7/2023 giá trị 74.025.345 đồng, đến hạn ngày 18/7/2023, bắt đầu tính lãi từ ngày 19/7/2023 đến ngày thanh toán hết là ngày 19/12/2023, tổng tiền lãi là 105.000 đồng, chi tiết tính lãi gồm: Số tiền 74.025.345 đồng tính lãi từ ngày 19/7/2023 đến ngày 05/12/2023, số ngày tính lãi là 140 ngày, tương đương 4,67 tháng, số tiền lãi 2.590.887 đồng nguyên đơn đồng ý tự nguyện không tính lãi. Sau khi thanh toán 44.025.345 đồng vào ngày 05/12/2023, thì tiền gốc còn nợ của Hóa đơn là 30.000.000 đồng. Số tiền 30.000.000 đồng tính lãi từ ngày 06/12/2023 đến ngày 19/12/2023, số ngày tính lãi là 14 ngày, tương đương 0,47 tháng, tiền lãi là 105.000 đồng.

Hóa đơn ký hiệu 1C23THH số 00000553 ngày 31/7/2023 giá trị 59.170.573 đồng, đến hạn ngày 31/7/2023, bắt đầu tính lãi từ ngày 01/8/2023 đến ngày thanh toán hết là ngày 02/02/2024, tổng tiền lãi là 2.526.432 đồng, chi tiết tính lãi gồm: Số tiền 59.170.573 đồng tính lãi từ ngày 01/8/2023 đến ngày 19/12/2023, số ngày tính lãi là 141 ngày, tương đương 4,7 tháng, tiền lãi là 2.085.763 đồng. Sau khi thanh toán 20.000.000 đồng vào ngày 19/12/2023, thì tiền gốc còn nợ của Hóa đơn là 39.170.573 đồng. Số tiền 39.170.573 đồng tính lãi từ ngày 20/12/2023 đến ngày 02/02/2024, số ngày tính lãi là 45 ngày, tương đương 1,5 tháng, tiền lãi là 440.669 đồng.

Hóa đơn ký hiệu 1C23THH số 00000600 ngày 21/8/2023 giá trị 79.233.616 đồng, đến hạn ngày 21/8/2023, bắt đầu tính lãi từ ngày 22/8/2023 đến ngày thanh toán hết là ngày 05/02/2024, tổng tiền lãi là 3.315.062 đồng, chi tiết tính lãi gồm: Số tiền 79.233.616 đồng tính lãi từ ngày 22/8/2023 đến ngày 02/02/2024, số ngày tính lãi là 165 ngày, tương đương 5,5 tháng, tiền lãi là 3.268.387 đồng. Sau khi thanh toán 17.000.000 đồng vào ngày 02/02/2024, thì tiền gốc còn nợ của Hóa đơn là 62.233.616 đồng. Số tiền 62.233.616 đồng tính lãi từ ngày 03/02/2024 đến ngày 05/02/2024, số ngày tính lãi là 03 ngày, tương đương 0,1 tháng, tiền lãi là 46.675 đồng.

Hóa đơn ký hiệu 1C23THH số 00000620 ngày 31/8/2023 giá trị 59.174.074 đồng, đến hạn ngày 31/8/2023, bắt đầu tính lãi từ ngày 01/9/2023 đến ngày thanh toán hết là ngày 11/4/2024, tổng tiền lãi là 3.103.748 đồng, chi tiết tính lãi gồm: Số tiền 59.174.074 đồng tính lãi từ ngày 01/9/2023 đến ngày 21/3/2024, số ngày tính lãi là 203 ngày, tương đương 6,77 tháng, tiền lãi là 3.003.084 đồng. Sau khi thanh toán 40.000.000 đồng vào ngày 21/3/2024, thì tiền gốc còn nợ của Hóa đơn

là 19.174.074 đồng. Số tiền 19.174.074 đồng tính lãi từ ngày 22/3/2024 đến ngày 11/4/2024, số ngày tính lãi là 21 ngày, tương đương 0,7 tháng, tiền lãi là 100.664 đồng.

Hóa đơn ký hiệu 1C23THH số 00000690 ngày 30/9/2023 giá trị 63.094.277 đồng, đến hạn ngày 30/9/2023, bắt đầu tính lãi ngày 01/10/2023 đến ngày 11/4/2024, số ngày tính lãi là 194 ngày, tương đương 6,47 tháng, tiền lãi là 3.060.072 đồng.

Tổng tiền lãi của các Hóa đơn năm 2023 là 26.376.018 đồng.

Tổng tiền lãi của năm 2022 và năm 2023 là 50.754.548 đồng.

Bị đơn trình bày:

Công ty S xác nhận có ký Hợp đồng kinh tế số 030/HĐKT/HH-HS ký ngày 18/3/2022; Hợp đồng kinh tế số 029/HĐKT/HH-HS ký ngày 18/5/2022 với Công ty H và hai hợp đồng nêu trên đã hết hạn. Đối với Hợp đồng kinh tế số 025-2023/HĐKT/HH-HS ký ngày 31/12/2022; Hợp đồng kinh tế số 026-2023/HĐKT/HH-HS ký ngày 31/12/2022 do nguyên đơn cung cấp thì bị đơn không thừa nhận, vì 02 hợp đồng trên không được Công ty S ký, đóng dấu theo quy định.

Đối với yêu cầu trả nợ gốc thì Công ty S xác nhận đã thanh toán đủ số nợ gốc cho Công ty H, việc này đã được Công ty H thừa nhận. Đối với yêu cầu tính lãi của Công ty H thì Công ty S không đồng ý do không được quy định hoặc thỏa thuận của hai bên. Hai bên không ký hợp đồng mua bán. Các điều khoản tính lãi nêu trong hợp đồng do nguyên đơn cung cấp đã hết hạn và không được bị đơn ký, đóng dấu theo quy định. Do đó, việc tính lãi của nguyên đơn là không phù hợp.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 146/2024/KDTM-ST ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH TM-DV-XNK H.

Buộc bị đơn Công ty TNHH Xây dựng-Thương mại-Dịch vụ S trả cho Công ty TNHH TM-DV-XNK H số tiền lãi là 50.754.548 (Năm mươi triệu bảy trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm bốn mươi tám) đồng.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH TM-DV-XNK H về việc yêu cầu Công ty TNHH Xây dựng-Thương mại-Dịch vụ S trả khoản nợ gốc 122.268.351 (Một trăm hai mươi hai triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm năm mươi một) đồng do nguyên đơn Công ty TNHH TM-DV-XNK H rút yêu cầu.

Ngoài ra bản án sơ thẩm cũng xác định trách nhiệm chịu án phí, quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/10/2024, bị đơn Công ty TNHH Xây dựng-Thương mại-Dịch vụ S đã nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm

xem xét, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn Công ty TNHH Xây dựng-Thương mại-Dịch vụ S có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và các ý kiến đã trình bày.

Nguyên đơn Công ty TNHH TM-DV-XNK H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo được nộp trong thời hạn quy định nên hợp lệ.

- Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm vì Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ nên không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Xây dựng-Thương mại-Dịch vụ S, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Về hình thức của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

[1.2] Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.2.1] Xét, nguyên đơn Công ty H rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ gốc 122.268.351 đồng do bị đơn Công ty S đã thanh toán xong là tự nguyện và hợp lệ, nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ là phù hợp.

[1.2.2] Về yêu cầu đòi tiền lãi của nguyên đơn:

Xét, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: Hợp đồng số 029/HĐKT/HH-HS ngày 18/5/2022 và Hợp đồng số 030/HĐKT/HH-HS ngày 18/3/2022, biên bản đối chiếu công nợ, bản sao kê ngân hàng, các hóa đơn đã phát hành của năm 2022 và năm 2023 có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có thực hiện mua bán hàng hóa năm 2022 theo Hợp đồng số 029/HĐKT/HH-HS ngày 18/5/2022 và Hợp đồng số 030/HĐKT/HH-HS ngày 18/3/2022, hai bên đã tiến hành đối chiếu công nợ và thanh toán nhiều đợt khác nhau. Bị đơn đã không thanh toán ngay sau khi xuất hóa đơn hoặc sau 15 ngày

đối chiếu công nợ. Như vậy, bị đơn đã thanh toán trễ hạn theo thỏa thuận tại Điều IV hợp đồng là “bên mua có nghĩa vụ thanh toán 100% giá trị hàng hóa ngay sau khi xuất hóa đơn hoặc sau 15 ngày đối chiếu công nợ” nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán của năm 2022 tính từ ngày thứ 16 kể từ ngày đối chiếu công nợ cho nguyên đơn là phù hợp.

Đối với các giao dịch hàng hóa phát sinh trong năm 2023: Tuy Hợp đồng số 025-2023/HĐKT/HH-HS ngày 31/12/2022 và Hợp đồng số 026-2023/HĐKT/HH-HS ngày 31/12/2022 bị đơn không ký cũng không thừa nhận, nhưng tất cả các đối chiếu công nợ số hàng hóa của năm 2023 thì bị đơn đều xác nhận và đã trả xong. Do đó, có cơ sở xác định năm 2023 giữa nguyên đơn và bị đơn có thực hiện mua bán số lượng hàng hóa theo đối chiếu công nợ mà bị đơn đã xác nhận, bị đơn đã nhận hàng và thanh toán xong. Do số hàng hóa nguyên đơn bán cho bị đơn năm 2023 không có hợp đồng, các bên cũng không thống nhất hay thỏa thuận thời gian thanh toán nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời điểm bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn vào thời điểm bên nguyên đơn giao hàng và xuất hóa đơn VAT là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 55 Luật thương mại năm 2005 “Bên mua phải thanh toán cho bên bán vào thời điểm bên bán giao hàng hoặc giao chứng từ liên quan đến hàng hoá”. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả là phù hợp.

Về lãi suất của số tiền chậm thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 9%/năm thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ba Ngân hàng thương mại tại thời điểm xét xử sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập và có lợi cho bị đơn nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là phù hợp và có cơ sở.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

- Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là Công ty TNHH Xây dựng-Thương mại-Dịch vụ S phải chịu án phí phúc thẩm.

Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm có thiếu sót khi chưa quyết định về lãi, lãi suất chậm thanh toán trong giai đoạn thi hành án là chưa phù hợp theo hướng dẫn tại Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về

hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên cần bổ sung cho phù hợp.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 148, Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005.

Căn cứ vào Điều 26 và 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Xây dựng-Thương mại-Dịch vụ S; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 146/2024/KDTM-ST ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH TM-DV-XNK H.

Buộc bị đơn Công ty TNHH Xây dựng-Thương mại-Dịch vụ S trả cho Công ty TNHH TM-DV-XNK H số tiền lãi là 50.754.548 (*Năm mươi triệu bảy trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm bốn mươi tám*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH TM-DV-XNK H về việc yêu cầu Công ty TNHH Xây dựng-Thương mại-Dịch vụ S trả khoản nợ gốc 122.268.351 (*Một trăm hai mươi hai triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm năm mươi một*) đồng do nguyên đơn Công ty TNHH TM-DV-XNK H rút yêu cầu.

3. Về án phí:

3.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH Xây dựng-Thương mại-Dịch vụ S phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

Hoàn lại cho Công ty TNHH TM-DV-XNK H số tiền tạm ứng án phí 4.347.619 (*Bốn triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm mười chín*) đồng do

Công ty TNHH TM-DV-XNK H nộp theo biên lai thu số 0012390 ngày 04/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân.

3.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH Xây dựng-Thương mại-Dịch vụ S phải chịu là 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng theo Biên lai thu số 0010859 ngày 09/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty TNHH Xây dựng-Thương mại-Dịch vụ S đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

4. Các bên đương sự thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP HCM;
- VKSND Cấp cao;
- VKSND TPHCM;
- TAND quận Bình Tân;
- Cục THADS TP HCM;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Hương